

RESEARCH TRENDS ON PROFESSIONAL PASSION OF EARLY CHILDHOOD TEACHERS AND RESEARCH SUGGESTIONS IN VIETNAM

Nguyen Thi Loan^{*1}, Le Minh Nguyet²

* Corresponding author
Email: loanhrc@gmail.com

¹ Enlightened Master Academy
No. 196 Thao Nguyen, Ecopark, Van Giang ward,
Hung Yen province, Vietnam

² Email: leminhnguyet@hnue.edu.vn
Ha Noi National University of Education
136 Xuan Thuy street, Cau Giay ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 09/7/2025
Revised: 19/8/2025
Accepted: 10/10/2025
Published: 20/10/2025

Abstract: This study refers to professional passion and activities of early childhood teachers. Data were extracted from the Scopus database and analyzed with VOSviewer software to visualize research outcomes, temporal trends, and research density. The findings indicate that factors such as professional identity, self-efficacy, personal motivation, and emotional attachment serve as key psychological foundations for sustaining professional passion. Professional development and job satisfaction emerge as central links between psychological dimensions and practical behaviors in early childhood education settings. Recent research trends express a shift from behavioral approaches to a deeper exploration of individual psychological constructs, particularly during the formation of professional identity. The study proposes further clarification of the differences among types of passion, the relationship between identity and burnout, and the role of organizational culture in maintaining long-term professional engagement. Scientometric analysis is recommended as an effective supplementary method to complement qualitative research in enhancing understanding of teacher psychology within the context of fundamental and comprehensive educational reform.

Keywords: Professional passion, professional activities, early childhood teachers, scientometric analysis.

XU HƯỚNG NGHIÊN CỨU VỀ ĐAM MÊ NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON VÀ GỢI Ý NGHIÊN CỨU Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Loan^{*1}, Lê Minh Nguyệt²

* Tác giả liên hệ
Email: loanhrc@gmail.com

¹ Học viện Enlightened Master
Số 196 Thảo Nguyên, Ecopark, xã Văn Giang,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

² Email: leminhnguyet@hnue.edu.vn
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
136 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 09/7/2025
Chỉnh sửa xong: 19/8/2025
Chấp nhận đăng: 10/10/2025
Xuất bản: 20/10/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu này tìm hiểu đam mê nghề nghiệp và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non. Dữ liệu được trích xuất từ cơ sở dữ liệu SCOPUS và xử lý bằng phần mềm VOSviewer để trực quan hóa kết quả nghiên cứu, xu hướng thời gian, mật độ nghiên cứu. Kết quả cho thấy các yếu tố như bản sắc nghề nghiệp, niềm tin vào năng lực bản thân, động lực cá nhân, sự gắn bó cảm xúc đóng vai trò trụ cột tâm lý trong việc duy trì đam mê nghề nghiệp. Phát triển chuyên môn, sự hài lòng với công việc nổi bật như những điểm kết nối giữa các khía cạnh tâm lý và hành vi thực tiễn trong môi trường giáo dục mầm non. Xu hướng nghiên cứu gần đây cho thấy sự chuyển dịch từ tiếp cận hành vi sang khai thác sâu hơn các cấu trúc tâm lý cá nhân, nhất là giai đoạn hình thành bản sắc nghề. Nghiên cứu đề xuất tiếp tục làm rõ sự khác biệt giữa các dạng đam mê, mối liên hệ giữa bản sắc và kiệt sức, vai trò của văn hóa tổ chức trong việc duy trì sự gắn bó nghề nghiệp. Phân tích trắc lượng được khuyến nghị như một phương pháp bổ sung hiệu quả cho các nghiên cứu định tính nhằm nâng cao hiểu biết về tâm lý giáo viên trong bối cảnh giáo dục đổi mới căn bản và toàn diện.

Từ khóa: Đam mê nghề nghiệp, hoạt động nghề nghiệp, giáo viên mầm non, phân tích trắc lượng.

1. Đặt vấn đề

Đam mê nghề nghiệp được xem là thành tố quan trọng hình thành động lực làm việc và định hướng

phát triển sự nghiệp của người lao động và có ý nghĩa trong các ngành nghề có tính tương tác cao, yêu cầu tinh thần cống hiến như giáo dục mầm non. Giáo

viên mầm non có vai trò truyền thụ kiến thức ban đầu, người đồng hành cảm xúc và đạo đức với trẻ trong giai đoạn phát triển đầu đời, giai đoạn quyết định cho sự hình thành nhân cách và tiềm năng cá nhân. Trong bối cảnh đó, đam mê với nghề là cảm xúc tích cực đối với công việc, sự hòa nhập sâu sắc giữa giá trị bản thân, vai trò xã hội của nghề nghiệp (Vallerand và cộng sự, 2014).

Những nghiên cứu gần đây đã nhấn mạnh đam mê nghề nghiệp có mối liên hệ mật thiết với sự hài lòng trong công việc, hiệu suất giảng dạy, sức khỏe nghề nghiệp của giáo viên (Fernet và cộng sự, 2012). Môi trường mầm non có thể có yêu cầu cầu cao về cảm xúc và sự kiên nhẫn, đam mê nghề đóng vai trò như một nguồn năng lượng giúp giáo viên duy trì sự gắn bó nghề để vượt qua những thách thức từ công việc (Carbonneau và cộng sự, 2008). Bên cạnh đó, các yếu tố như bản sắc nghề nghiệp, niềm tin vào năng lực bản thân, ý nghĩa nghề nghiệp được xem là yếu tố tâm lý củng cố, duy trì đam mê theo thời gian (Klassen và Chiu, 2011).

Đam mê nghề nghiệp là chủ đề ngày càng nhận được sự quan tâm trong nghiên cứu giáo dục nói chung, việc tiếp cận theo hướng tổng hợp hệ thống và phân tích xu hướng phát triển khái niệm này trong lĩnh vực giáo dục mầm non vẫn còn nhiều hạn chế. Phần lớn các nghiên cứu hiện tại vẫn mang tính định tính hoặc giới hạn trong phạm vi thực nghiệm đơn lẻ, chưa cung cấp được cái nhìn toàn diện về cấu trúc tri thức cũng như sự tương tác giữa các yếu tố liên quan đến đam mê nghề nghiệp và hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh giáo dục đầu đời (Akanzire và cộng sự, 2024). Sự thiếu vắng bản đồ học thuật có hệ thống sẽ dẫn đến việc hoạch định chính sách đào tạo, hỗ trợ giáo viên mầm non gặp khó khăn.

Young-Tae, Kim (2023) với công trình nghiên cứu tác động của động lực và đam mê giảng dạy đối với nhận thức về nghề giáo viên mầm non trước khi vào nghề, nghiên cứu này chỉ ra rằng, lòng vị tha và tình yêu với trẻ em là động lực được nhận thức nhiều nhất, có sẵn trước khi trở thành giáo viên. Hai thành phần chính trong đam mê và đam mê hài hòa được nhận thức là góp phần vào đam mê giảng dạy. Đam mê nghề nghiệp ở giáo viên còn được biểu hiện ở phẩm chất cá nhân như xu hướng, tính cách, năng lực chuyên môn, mức độ biểu hiện càng cao các kết quả hoạt động nghề nghiệp càng được ghi nhận, giáo viên càng chứng tỏ được hiệu suất làm việc. Nghiên cứu này chỉ ra rằng, khi các thành phần hình thành nên động lực nghề nghiệp như nhu cầu, hứng

thú, lí tưởng, niềm tin nghề nghiệp góp phần hình thành đam mê và đam mê nghề nghiệp được chỉ ra là yếu tố sẵn có. Với các kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, giáo viên trong quá trình thực hiện công việc tiếp tục hình thành đam mê và những yếu tố tác động để điều chỉnh nghề nghiệp, tương quan với hiệu quả nghề nghiệp không được đặt ra, do vậy không có các luận giải cho vấn đề này.

Yu, Polishchuk, Tetiana, Koltunovych, Andrieieva và các cộng sự (2022) đã công bố nghiên cứu đặc điểm mối quan hệ giữa sự hài lòng trong công việc và tình trạng kiệt sức nghề nghiệp của các nhà giáo dục mầm non. Các thành phần trong đam mê nghề nghiệp như tình yêu với nghề, nhận thức về nghề, động lực nghề nghiệp và sự tận tâm với nghề nghiệp có tương quan với tình trạng kiệt sức nghề nghiệp. Khi giáo viên đạt được sự hài lòng trong công việc, hình thành và duy trì hứng thú với công việc, đạt được sự hài lòng trong mối quan hệ, về thành tích, trách nhiệm nghề nghiệp, sự phát triển của năng lực giao tiếp nghề nghiệp đóng góp hay làm cho tương quan giữa tình trạng kiệt sức nghề nghiệp tăng hoặc giảm. Nghiên cứu này bàn đến các thành phần, biểu hiện cụ thể trong đam mê nghề nghiệp của giáo viên mầm non, song đóng góp vào việc luận giải các thành phần trong đam mê nghề nghiệp và hiệu quả nghề nghiệp ở giáo viên mầm non hầu như chưa được bàn luận.

Từ khoảng trống đó, nghiên cứu lựa chọn tiếp cận theo hướng phân tích trắc lượng khoa học nhằm khám phá cấu trúc khái niệm và xu hướng phát triển học thuật của các chủ đề liên quan đến đam mê nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non, để hiểu rõ hơn về cách đam mê nghề nghiệp được hình thành, duy trì, chuyển hóa thành hành vi nghề nghiệp hiệu quả trong môi trường giáo dục mầm non. Từ đó nhận diện các trụ cột nội dung đang chiếm ưu thế, chỉ ra các chủ đề đang nổi lên và những hướng tiếp cận tiềm năng trong tương lai.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp phân tích trắc lượng khoa học nhằm khám phá bức tranh toàn cảnh về xu hướng nghiên cứu liên quan đến đam mê nghề nghiệp và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, làm rõ cấu trúc tri thức của lĩnh vực, từ đó nhận diện các trọng tâm nghiên cứu, mối liên kết khái niệm, sự tiến triển theo thời gian các chủ đề nghiên cứu. Dữ liệu được thu thập từ cơ sở dữ liệu Scopus với 409 bài báo khoa học, bảo đảm bảo sự tin cậy, tính cập nhật.

Chiến lược truy xuất và sử dụng dữ liệu được thiết kế cẩn trọng, kết hợp giữa các từ khóa đại diện cho khía cạnh cảm xúc, động lực nội sinh và bản sắc nghề nghiệp với các khái niệm liên quan đến thực hành nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non. Cụ thể, chuỗi từ khóa thứ nhất tập trung vào các biểu hiện đam mê nghề nghiệp: “Passion for teaching”, “Intrinsic motivation”, “Teacher commitment”, “work engagement”, “career calling”, “vocational passion”, “teaching enthusiasm”, “Personal fulfillment”, “Emotional attachment”, “Meaning in work”, “Job satisfaction”, “Identity as teacher”, “Teaching self-efficacy”, “Professional pride”, “Work enjoyment”, “Motivation to teach”, “Teacher identity”, “Teacher resilience”, “Joy in teaching” và “Psychological ownership”. Những khái niệm này phản ánh chiều sâu tâm lý của giáo viên, từ cảm nhận chủ quan về niềm vui trong công việc đến nhận thức mang tính bản thể về vai trò nghề nghiệp.

Chuỗi từ khóa thứ hai làm rõ các hành vi nghề nghiệp cụ thể trong bối cảnh giáo dục mầm non, gồm: “Classroom management”, “Curriculum planning”, “Early childhood education”, “Child assessment”, “Lesson delivery”, “Learning environment design”, “Play-based learning”, “Parent communication”, “Professional development”, “Collaborative teaching”, “Child observation”, “Behavior management”, “Instructional strategies”, “Educational activities”, “Teacher training”, “Documentation and reporting”, “Inclusive education”, “Learning material preparation”, “Health and safety practices” và “Teamwork with colleagues”. Việc kết hợp hai nhóm từ khóa này

trong cùng truy vấn giúp xây dựng được tập hợp dữ liệu vừa toàn diện vừa đặc thù, đảm bảo sự giao thoa giữa yếu tố tâm lý cá nhân và hành vi nghề nghiệp thực tiễn.

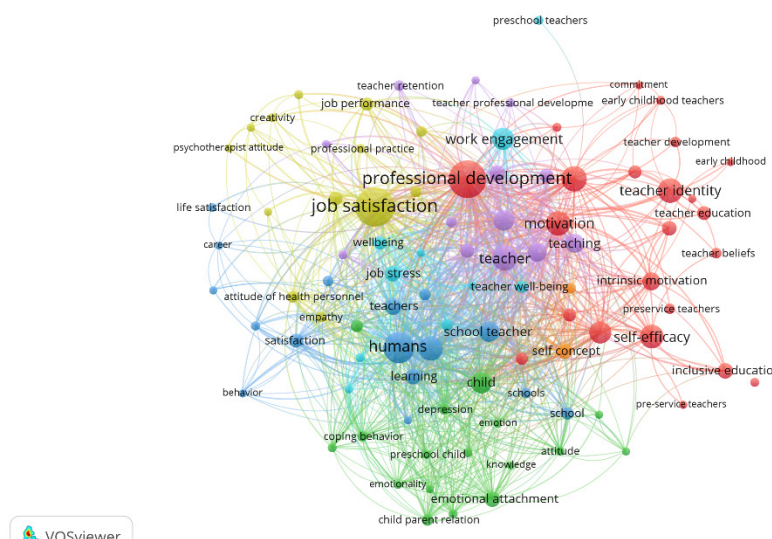
Sau khi thu thập và xử lý dữ liệu văn bản từ SCOPUS, nhóm tác giả sử dụng phần mềm VOSviewer phiên bản 1.6.20 để trực quan hóa dữ liệu trắc lượng dưới các hình thức: Mạng lưới khái niệm, tiến trình thời gian và mật độ nghiên cứu. Các hình ảnh được tạo ra dựa trên mối quan hệ đồng xuất hiện của từ khóa trong tiêu đề, tóm tắt và từ khóa của bài báo, từ đó hình thành nên các cụm khái niệm có liên kết ngữ nghĩa và nhận thức.

3. Kết quả nghiên cứu

a. Kết quả từ phân tích trực quan hóa mạng lưới

Hình ảnh trực quan mạng từ VOSviewer, thể hiện mối liên hệ giữa các từ khóa liên quan đến đam mê nghề nghiệp, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non. Mỗi từ khóa trong biểu đồ biểu trưng cho một khái niệm được trích xuất từ cơ sở dữ liệu SCOPUS, kích thước của từng nút phản ánh tần suất xuất hiện trong tài liệu, màu sắc, đường nối cho thấy các cụm chủ đề và mức độ liên kết được thể hiện qua Hình 1.

Hình 1 cho thấy mạng lưới phức hợp giữa các yếu tố tâm lý, chuyên môn và xã hội đang định hình nên toàn cảnh nghiên cứu về giáo viên mầm non trong bối cảnh hiện đại. Trung tâm trong Hình 1 nổi bật với ba từ khóa có tần suất lớn là “Professional development”, “Job satisfaction” và “Teacher”. Sự hiện diện nổi bật của những từ này cho thấy các công trình nghiên cứu đang đặt trọng tâm vào phát triển



(Nguồn: Tác giả phân tích từ Vosviewer)

Hình 1: Kết quả phân tích trực quan hoá mạng lưới

chuyên môn, mức độ hài lòng trong công việc cũng như chính vai trò của giáo viên trong tiến trình nghề nghiệp. Ở góc độ tâm lí, phát triển chuyên môn vừa là nâng cao kĩ năng, đồng thời là quá trình định hình bản sắc nghề nghiệp, củng cố cảm nhận tích cực về giá trị bản thân trong nghề. Giáo viên mầm non cảm nhận được sự hỗ trợ, được học hỏi và có cơ hội mở rộng hiểu biết chuyên môn, từ đó sẽ hình thành mối liên hệ xúc cảm tích cực với nghề, gia tăng sự gắn bó và lòng yêu nghề theo thời gian.

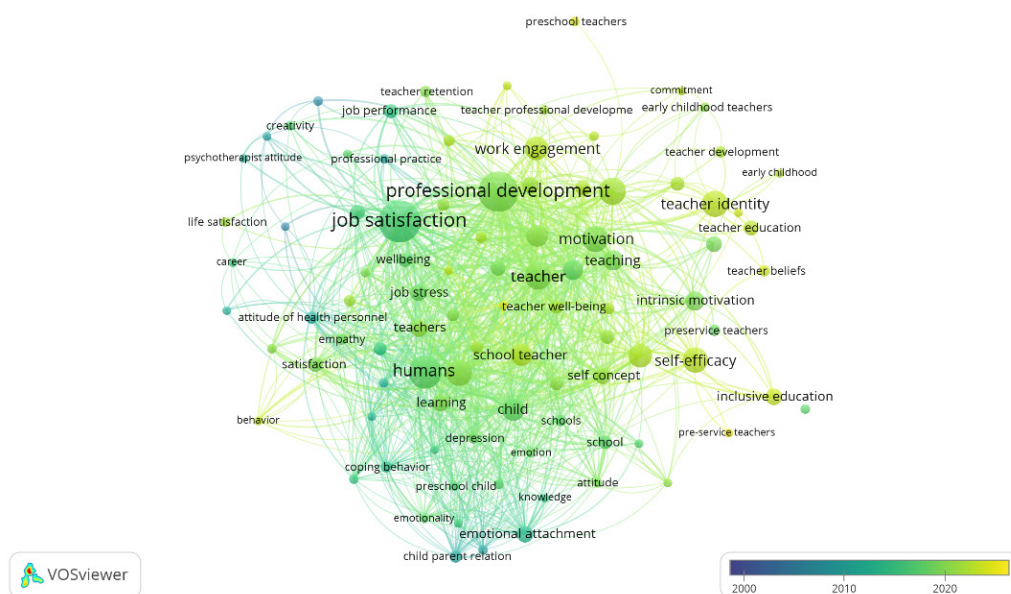
Cụm nổi bật trong hình là nhóm từ khóa màu đỏ, gồm “Teacher identity”, “Self-efficacy”, “Intrinsic motivation” và “Self-concept”. Cụm này tập trung vào yếu tố cá nhân có chiều sâu tâm lý rõ nét, phản ánh tiến trình phát triển tâm lý cá nhân, giáo viên thực hiện công việc và đồng nhất bản thân với nghề nghiệp. Khi giáo viên tin tưởng vào năng lực cá nhân, cảm xúc được thúc đẩy từ bên trong và xây dựng hình ảnh bản thân tích cực trong vai trò giáo viên, qua đó thể hiện sự đam mê rõ rệt và bền vững hơn. Đặc biệt, khái niệm “Teacher identity” đóng vai trò trọng yếu, biểu hiện của sự tích hợp giữa trải nghiệm nghề nghiệp và cảm xúc cá nhân, tạo nên động lực cá nhân giúp giáo viên vượt qua những thách thức của nghề.

Ở hướng khác của biểu đồ, nhóm từ khóa màu xanh lá cây xoay quanh cảm xúc và mối quan hệ giữa giáo viên với trẻ mầm non. Các khái niệm như “Emotional attachment”, “Emotion”, “Preschool child”, “Child-parent relation” cho thấy đam mê

nghề nghiệp trong môi trường mầm non có nền tảng mạnh từ sự gắn kết tình cảm. Giáo viên truyền đạt tri thức, người đồng hành, người chăm sóc, hỗ trợ trẻ trong những năm tháng phát triển đầu đời. Sự gắn bó cảm xúc với trẻ là biểu hiện đặc trưng của lòng yêu nghề trong giáo dục mầm non là nguồn động lực giúp giáo viên cảm thấy công việc của bản thân có ý nghĩa sâu sắc.

Nhóm các yếu tố liên quan đến kết quả công việc và sự thỏa mãn cá nhân trong cụm màu vàng và tím có màu sắc khá rõ. Những từ khóa như “Job performance”, “Career”, “Life satisfaction”, “Teacher retention” chỉ ra đam mê nghề nghiệp và thể hiện cảm xúc và thái độ tích cực, có thể chuyển hóa thành hành vi hiệu quả trong công việc và sự phát triển lâu dài trong sự nghiệp. Khi giáo viên cảm nhận công việc mang lại giá trị sống, giáo viên có xu hướng gắn bó với nghề lâu hơn, cống hiến nhiều hơn, tiếp tục theo đuổi sự nghiệp và định hướng phát triển bản thân với sự tự tin. Mối liên hệ giữa sự sáng tạo trong công việc với mức độ thỏa mãn cá nhân cho thấy đam mê được nuôi dưỡng từ nội lực và phụ thuộc vào điều kiện môi trường, sự ghi nhận từ tập thể nhà trường.

Cụm màu xanh dương trong biểu đồ cho thấy mối liên hệ giữa sức khỏe tâm lý và chất lượng nghề nghiệp. Các từ khóa như “Well-being”, “Job stress”, “Empathy”, “Life satisfaction” Sức khỏe tâm lý tốt là yếu tố quan trọng để duy trì thái độ tích cực với nghề, giúp giáo viên duy trì lòng nhiệt huyết, ý thức



(Nguồn: Tác giả phân tích từ Vosviewer)

trách nhiệm trong công việc chăm sóc và giáo dục trẻ hằng ngày. Sự hiện diện của từ khóa “Empathy” cho thấy phẩm chất cảm xúc là yếu tố thúc đẩy sự thấu hiểu với trẻ, động lực nuôi dưỡng tinh thần nghề nghiệp nhân văn và đầy yêu thương.

Kết quả phân tích Hình 1 là minh chứng rõ ràng cho sự tương tác sâu sắc giữa yếu tố tâm lý cá nhân, điều kiện môi trường nghề nghiệp, mối quan hệ xã hội trong việc hình thành và duy trì đam mê nghề nghiệp của giáo viên mầm non. Đây là quá trình động, bản sắc nghề nghiệp, cảm xúc tích cực, sự phát triển chuyên môn, điều kiện tổ chức liên tục tác động qua lại. Để đam mê thực sự được nuôi dưỡng bền vững, cần xây dựng môi trường làm việc tôn trọng giá trị cá nhân, tạo cơ hội cho giáo viên phát triển toàn diện về chuyên môn, đời sống tinh thần.

b. Kết quả phân tích trực quan hoá quá trình về thời gian

Kết quả phân tích trực quan tiến triển theo thời gian của các chủ đề nghiên cứu liên quan đến đam mê nghề nghiệp và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non thể hiện qua Hình 2.

Trong biểu đồ, màu sắc của từng nút đại diện cho thời điểm trung bình mà từ khóa đó xuất hiện trong dữ liệu nghiên cứu, từ xanh lam biểu thị các nghiên cứu cũ (trước năm 2010) đến vàng sáng thể hiện xu hướng mới (sau năm 2020). Hình 2 cho thấy mối liên hệ giữa các khái niệm, chỉ ra sự dịch chuyển nhận thức theo quá trình.

Quan sát toàn bộ cấu trúc mạng lưới cho thấy, trung tâm của biểu đồ là khái niệm quen thuộc như “Professional development”, “Job satisfaction” và “Teacher”. Các chủ đề được duy trì ổn định, đóng vai trò trục xoay của hệ thống nghiên cứu qua nhiều năm. Những từ khóa màu xanh lục trung tính cho thấy chúng đã được quan tâm từ sớm và tiếp tục duy trì sức hút học thuật cho tới gần đây, phản ánh nhu cầu cao trong việc tìm hiểu quá trình phát triển chuyên môn, mức độ hài lòng trong công việc, vai trò trung tâm của giáo viên trong hệ sinh thái giáo dục mầm non.

Tuy nhiên, sự thay đổi đáng chú ý ở khu vực có màu sắc ngả vàng, tiêu biểu cho xu hướng nghiên cứu mới nổi trong những năm gần đây. Các từ khóa như “Self-efficacy”, “Teacher identity”, “Intrinsic motivation”, “Pre-service teachers”, “Inclusive education” đều trong vùng màu vàng sáng, các nghiên cứu hiện nay đang hướng sự quan tâm nhiều hơn đến khía cạnh tâm lý cá nhân, quá trình hình thành bản sắc nghề nghiệp của giáo viên. Sự nổi lên

của cụm khái niệm trên phản ánh chuyển dịch trong tiếp cận khoa học giáo dục, từ sự tập trung vào yếu tố tổ chức hoặc hành vi, sang khai thác sâu hơn các yếu tố nhận thức, cảm xúc cá nhân. Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, yêu cầu đối với giáo viên ngày càng cao, việc hiểu rõ động lực nội sinh, niềm tin vào năng lực bản thân trở thành yếu tố quan trọng duy trì đam mê và hiệu quả nghề nghiệp.

Các từ khóa “Teacher identity” xuất hiện khá đậm nét trong vùng màu vàng gợi ý rằng, bản sắc nghề nghiệp đang là mối quan tâm đặc biệt gần đây. Bản sắc nghề nghiệp là sản phẩm của kinh nghiệm, kết quả của quá trình tái cấu trúc liên tục giữa niềm tin, mục tiêu cá nhân và trải nghiệm nghề nghiệp. Giáo viên hình thành bản sắc rõ ràng sẽ dễ dàng cảm nhận sự gắn bó hơn với nghề, chủ động hơn trong hành vi dạy học và linh hoạt hơn khi đối diện với áp lực nghề nghiệp. Sự phát triển bản sắc cá nhân thường song hành với niềm tin vào năng lực cá nhân, yếu tố đang được quan tâm nghiên cứu ngày càng nhiều trong bối cảnh đào tạo giáo viên mầm non.

Nếu nhìn về các yếu tố truyền thống hơn, các từ khóa như “Coping behavior”, “Emotional attachment”, “Child-parent relation” hay “Preschool child” có xu hướng trong vùng màu xanh lam và xanh ngọc, chứng tỏ sự xuất hiện khá sớm trong các nghiên cứu liên quan. Đây là những khái niệm phản ánh bối cảnh tâm lý xã hội mà giáo viên mầm non thường xuyên đối diện, từ việc gắn bó cảm xúc với trẻ, đến điều chỉnh hành vi và cảm xúc để thích nghi với môi trường làm việc nhằm duy trì và phát triển cảm xúc cho đam mê nghề nghiệp, dù hiện tại không còn là mối quan tâm trung tâm của các nghiên cứu gần đây.

Mối liên hệ giữa “Motivation”, “Work engagement” và “Teacher well-being” nổi bật trong hình, ở vùng chuyển tiếp giữa xanh lục và vàng, thể hiện đây là chủ đề được quan tâm và tiếp tục phát triển. Động lực nghề nghiệp, mức độ gắn bó trong công việc được xem như các chỉ số tâm lý phản ánh trực tiếp cường độ, chất lượng của đam mê nghề nghiệp. Giáo viên cảm nhận được sự hỗ trợ và có mục tiêu nghề rõ ràng, từ đó có xu hướng tham gia sâu hơn vào hoạt động chuyên môn, trải nghiệm mức độ hài lòng và ý nghĩa công việc cao hơn.

Sự xuất hiện của từ khóa “Inclusive education” trong vùng vàng sáng cho thấy sự mở rộng hướng nghiên cứu sang các khía cạnh công bằng, đa dạng trong môi trường giáo dục. Giáo viên mầm non được chuẩn bị để làm việc với trẻ có hoàn cảnh đặc biệt

hay khác biệt về năng lực đòi hỏi giáo viên sự điều chỉnh thái độ, kiến thức, phương pháp, từ đó đặt ra yêu cầu cao hơn về ý thức phát triển chuyên môn, là chất xúc tác kích hoạt quá trình tự khám phá và phát triển đam mê nghề nghiệp.

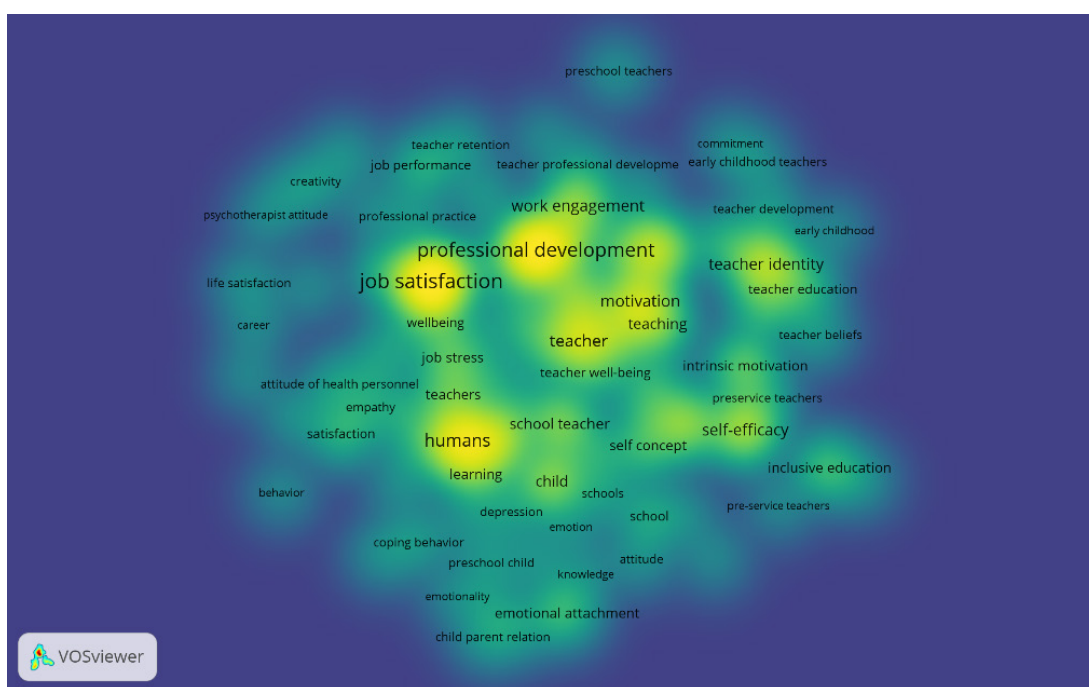
Từ các nghiên cứu thiên về bối cảnh và hành vi, đến nay các nhà khoa học đã chuyển hướng mạnh mẽ sang phân tích chiều sâu tâm lý cá nhân, bản sắc nghề, động lực cá nhân, phản ánh sự phát triển trong cách tiếp cận giáo dục, giáo viên được nhìn vừa truyền đạt tri thức vừa là chủ thể giàu cảm xúc, có bản sắc, tiềm năng phát triển toàn diện nếu được làm việc trong môi trường mầm non phù hợp.

c. Kết quả phân tích mức độ tập trung dựa trên tần suất xuất hiện

Hình 3 cho thấy mật độ tập trung của chủ đề nghiên cứu thông qua dải màu chuyển tiếp từ tím đến vàng. Vùng có màu vàng sáng biểu thị khu vực được nghiên cứu nhiều và đóng vai trò trung tâm trong mạng lưới các từ khóa đam mê và hoạt động nghề nghiệp. Những điểm có màu lục lam hoặc xanh tím thể hiện các chủ đề ít được đề cập hơn, nhưng đều thể hiện ý nghĩa khi xét đến tiềm năng phát triển trong tương lai. Từ góc độ tâm lý học, kết quả nghiên cứu phản ánh cấu trúc nhận thức về mối liên hệ giữa đam mê nghề nghiệp và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

Trung tâm sáng rõ hơn trong hình là các từ khóa “Professional development”, “Job satisfaction” và “Teacher”, thể hiện chiều sâu ý nghĩa đam mê và hoạt động nghề nghiệp. Những khái niệm này phản ánh nội dung nghiên cứu phổ biến, điểm hội tụ nhiều chủ đề khác đan xen và tác động qua lại. Phát triển nghề nghiệp ở giáo viên mầm non là hành trình hình thành năng lực nghề gắn liền với nhận thức bản thân, với tâm lý kiểm soát và làm chủ cảm xúc trong công việc. Khi giáo viên mầm non được tiếp cận với cơ hội học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn thực chất có thể gia tăng hiệu quả giảng dạy, xu hướng định vị lại vai trò cá nhân trong nghề được củng cố, từ đó nuôi dưỡng động lực cá nhân một cách vững bền.

Bên cạnh đó, tần suất xuất hiện từ khóa “Motivation” trong vùng có độ sáng cao cho thấy động lực làm việc là nền tảng then chốt trong đam mê nghề nghiệp. Kết quả phân tích gợi mở một thực tế bên trong mỗi hành vi sư phạm đều có những nguyên nhân vô hình được dẫn dắt bởi cảm xúc, kì vọng và giá trị cá nhân mỗi giáo viên. Động lực nghề nghiệp đến từ mong muốn hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời xuất phát từ sự cộng hưởng giữa niềm tin cá nhân và xúc cảm nghề nghiệp chăm sóc và giáo dục trẻ mang lại. Từ đây, khái niệm đam mê có thể được hiểu như một dòng năng lượng tâm lý vừa thúc đẩy hành động vừa duy trì sự kiên định của giáo



(Nguồn: Tác giả phân tích từ Vosviewer)

Hình 3: Kết quả phân tích mức độ tập trung nghiên cứu đam mê nghề nghiệp và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non

viên mầm non ngay cả khi gặp khó khăn hay áp lực từ môi trường làm việc.

Điểm sáng khác trong hình là sự đan xen của các khái niệm “Teacher identity”, “Self-efficacy” và “Intrinsic motivation”. Tất cả đều góp phần hình thành chiều sâu tâm lý của giáo viên trong hành trình nghề nghiệp. Bản sắc nghề nghiệp trở thành trung tâm nghiên cứu phản ánh mối quan tâm có tính thời điểm, đồng thời phản ánh kết sự thay đổi căn bản trong cách tiếp cận: Từ mô tả hành vi sang tìm hiểu chiều sâu tâm lý cá nhân. Bản sắc nghề không cố định mà được cấu thành từ trải nghiệm, kì vọng, tương tác xã hội, trở thành yếu tố dễ bị tổn thương nhưng cũng có thể hồi phục mạnh mẽ nếu được đặt trong môi trường hỗ trợ và ghi nhận.

Mặc dù có màu sắc dịu hơn, các khu vực như “Emotional attachment”, “Coping behavior” hay “Empathy” mở ra không gian nghiên cứu giàu chiều sâu tâm lý. Sự gắn bó cảm xúc với trẻ nhỏ, sự đồng cảm, chiến lược điều chỉnh cảm xúc là những năng lực mềm có vai trò không thể thay thế trong hoạt động giáo dục mầm non. Đam mê nghề nghiệp được thể hiện qua sự bền bỉ trong chăm sóc, qua niềm vui khi trẻ tiến bộ, qua năng lực duy trì sự ổn định cảm xúc trong môi trường nhà trường mầm non ngày càng nhiều áp lực. Mức độ mật độ vừa phải của các từ khóa này có thể hàm ý rằng, sự hiện diện như lớp nền âm thầm nhưng bền bỉ trong cấu trúc nghề nghiệp, phản ánh tính chất âm thầm nhưng sâu sắc của đời sống tâm lý giáo viên mầm non.

Chi tiết tinh tế khác thể hiện ở sự phân bố khái niệm liên quan đến “Wellbeing”, “Job stress”, và “Teacher well-being”. Những từ khóa này không nằm ở vùng sáng nhất nhưng kết nối mật thiết với trung tâm biểu đồ, tạo nên hệ sinh thái cho thấy rằng, sức khỏe tâm thần là yếu tố nền tảng cho sự hiện diện bền vững của đam mê nghề nghiệp. Không có trạng thái yêu nghề thực sự nào có thể tồn tại nếu giáo viên thường xuyên rơi vào trạng thái kiệt sức, áp lực hoặc bị cô lập cảm xúc. Các từ khóa này giữ vị trí bán trung tâm chỉ ra thực thể ra các nhà nghiên cứu đang từng bước nhận diện vai trò của sức khỏe tâm lý như là điều kiện tiên quyết cho mọi biểu hiện tích cực trong công việc.

Ngoài ra, các chủ đề “Inclusive education”, “Pre-service teachers” ở khu vực ngoại vi nhưng vẫn trong vùng có độ sáng tương đối, cho thấy nghiên cứu đang mở rộng theo hướng ứng dụng và đào tạo. Với giáo viên mầm non, đam mê nghề nghiệp được khơi dậy từ giai đoạn chuẩn bị vào nghề, được

củng cố trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ. Trải nghiệm từ môi trường học tập nghề nghiệp có ý nghĩa tích lũy lâu dài, hình thành nên xúc cảm tích cực với nghề nghiệp. Đam mê được hình thành, củng cố ngay từ khởi đầu trong môi trường nhà trường góp phần nuôi dưỡng, phát huy bản sắc nghề mạnh mẽ, động lực bền bỉ là điều kiện để phát triển lòng yêu nghề, mến trẻ.

Tổng thể mật độ đam mê nghề nghiệp là dòng chảy liên tục được hình thành từ trải nghiệm cá nhân, sự cộng hưởng cảm xúc, năng lực cá nhân và cả sự hỗ trợ của trường mầm non. Những điểm sáng trên Hình 3 cho thấy nhiều dữ liệu nghiên cứu, tâm lý học giáo dục nói lên khuynh hướng chiều sâu nghề nghiệp trong bối cảnh nhiều áp lực nhưng đầy ý nghĩa.

4. Thảo luận

Kết quả phân tích đã làm nổi bật cấu trúc tri thức của lĩnh vực nghiên cứu về đam mê nghề nghiệp và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, cho thấy sự hội tụ của các trụ cột lý thuyết như bản sắc nghề nghiệp, động lực làm việc, năng lực tự nhận thức, cảm xúc nghề nghiệp. Từ đó xác lập cơ sở khái niệm rõ ràng: đam mê nghề là sự yêu thích công việc, hiện tượng tâm lý phức hợp, có tính phát triển, chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các yếu tố cá nhân và môi trường.

Sự nổi bật của các từ khóa như “Teacher identity”, “Self-efficacy”, “Intrinsic motivation”, “Emotional attachment” phản ánh rõ rệt mối quan hệ giữa bản sắc nghề và cảm xúc làm chủ công việc trong quá trình giáo viên mầm non khẳng định vai trò nghề nghiệp. Trong bối cảnh Việt Nam, đây là vấn đề mang tính thời sự, khi bản sắc nghề của giáo viên mầm non có thể bị xung đột giữa hình ảnh nghề nghiệp lí tưởng (người mẹ hiền thứ hai) và thực tiễn áp lực của lao động chăm sóc, nuôi dạy cần được xã hội ghi nhận đúng mức. Việc bản sắc nghề có thể chưa được ghi nhận cao từ xã hội và chính sách có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự hình thành và củng cố đam mê. Bản sắc nghề được hình thành trong tương tác xã hội và phản ánh cách cá nhân cảm nhận vị trí của bản thân trong cộng đồng nghề (Akkerman, Meijer, 2011). Do đó, ở Việt Nam, việc nâng cao hình ảnh nghề mầm non trong nhận thức cộng đồng là yêu cầu thiết yếu để duy trì đam mê nghề.

Từ khóa “Professional development” xuất hiện với mật độ cao ngụ ý quá trình phát triển chuyên môn là cơ chế then chốt để giáo viên duy trì đam mê và gia tăng năng lực chuyên môn. Tuy nhiên, trong

thực tế giáo dục Việt Nam, cơ hội phát triển chuyên môn cho giáo viên mầm non, đặc biệt là khối ngoài công lập còn không ít hạn chế và thiếu hệ thống. Đến nay, nội dung, chương trình bồi dưỡng vẫn được đánh giá tính hàn lâm, chưa thực sự chú trọng đến phát triển năng lực cảm xúc để duy trì động lực làm việc, đồng thời tạo ra môi trường lớp học ổn định và tích cực hơn cho trẻ em (Jennings, Greenberg, 2009). Vì vậy, trong định hướng chính sách, cần thiết kế chương trình bồi dưỡng có chiều sâu tâm lý, tạo điều kiện cho giáo viên hình dung hành trình nghề của chính bản thân, tái khẳng định ý nghĩa công việc.

Sự hiện diện các từ khóa như “Pre-service teachers” và “Inclusive education” cho thấy xu hướng nghiên cứu đang mở rộng sang giai đoạn hình thành bản sắc nghề từ trước khi vào nghề. Trong bối cảnh Việt Nam, đây là giai đoạn rất quan trọng, bởi nhiều sinh viên sư phạm mầm non lựa chọn ngành học có thể chưa hoàn toàn xuất phát từ đam mê từ chính bản thân mà do những yếu tố khách quan. Thực tế này đặt ra yêu cầu cần định hướng lại chương trình đào tạo sư phạm theo hướng trải nghiệm nghề sớm, tăng cường thực tập phản tư và tạo không gian khơi gợi động lực nội sinh. Trải nghiệm tích cực trong giai đoạn khởi nghề là yếu tố quyết định cảm giác gắn bó lâu dài với nghề sau này (Huang, Wang, 2021).

Ở Việt Nam, giáo viên mầm non thường có áp lực từ phía gia đình trẻ mầm non với kì vọng cao về sự chăm sóc toàn diện, từ phía nhà trường với yêu cầu quản lí, báo cáo hành chính, hoạt động ngoài giờ. Trong bối cảnh đó, đam mê nghề nghiệp có thể chuyển hóa thành trạng thái tận tụy âm tính, một dạng “đam mê bị chi phối” (Vallerand và cộng sự, 2003). Kiểu đam mê này làm cho giáo viên làm việc nhưng thiếu điều tiết cảm xúc tích cực, dẫn đến kiệt sức cảm xúc, giảm sút năng lực làm việc. Đây là nguy cơ tiềm tàng của mô hình giáo dục mầm non nếu không có biện pháp chăm sóc sức khỏe tâm thần nghề nghiệp cho giáo viên.

Ngoài yếu tố cá nhân, đặc điểm văn hóa tổ chức trong nhà trường có thể tác động sâu sắc đến đam mê nghề nghiệp. Một số cơ sở giáo dục, trong đó có không ít trường ngoài công lập chưa xây dựng được văn hóa nhà trường, hệ thống đánh giá chưa khoa học, việc ghi nhận nỗ lực của giáo viên chưa được quan tâm đầy đủ dẫn đến tâm lí bị bỏ rơi, suy giảm động lực tích cực. Hargreaves (2000) đã khẳng định, cảm xúc nghề nghiệp của giáo viên không thể tách rời hoạt động trong nhà trường với sự hỗ trợ, thấu cảm, đối thoại thực chất, trên cơ sở đó đam mê mới

có thể nảy sinh, phát triển và được duy trì. Nghiên cứu chỉ ra việc sử dụng trắc lượng là công cụ hữu ích để nhận diện xu hướng nhưng cần được bổ sung bởi các nghiên cứu định tính, nhằm khai thác các tầng sâu tâm lí và văn hóa trong trải nghiệm nghề nghiệp của giáo viên. Những nghiên cứu trong bối cảnh Việt Nam sẽ giúp tái hiện chân thực hơn cách mà đam mê được khơi gợi, duy trì hoặc tổn thương sức khỏe nghề nghiệp cần được tìm hiểu.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố như bản sắc nghề nghiệp, động lực làm việc, phát triển chuyên môn, sự gắn bó cảm xúc và sức khỏe nghề nghiệp đan xen chặt chẽ, cấu thành nền tảng cho đam mê bền vững với nghề. Đam mê nghề nghiệp của giáo viên mầm non là sản phẩm của sự hội tụ giữa bản sắc cá nhân, năng lực cảm xúc - xã hội, trải nghiệm nghề nghiệp được định hình qua thời gian. Sự hiện diện nổi bật của các từ khóa như “Teacher identity”, “Self-efficacy” và “Intrinsic motivation” cho thấy, các yếu tố tâm trí giữ vai trò trung tâm trong việc duy trì cảm xúc tích cực với nghề. Đam mê nghề nghiệp không xuất hiện ngẫu nhiên, đó là kết quả quá trình nhận thức của bản thân giáo viên trong hoạt động chuyên môn, sự đáp ứng đồng thời từ môi trường nhà trường.

Phát triển chuyên môn vừa góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp, cơ chế để củng cố đam mê. Giáo viên được tạo điều kiện học hỏi, chia sẻ, tự khám phá tiềm năng của bản thân sẽ có xu hướng đồng nhất sâu sắc hơn với nghề nghiệp, cảm nhận công việc trở nên có giá trị, từ đó gia tăng sự gắn bó, tính kiên định. Yếu tố cảm xúc như “Emotional attachment” hay “Empathy” đóng vai trò trung gian, hình thành mối liên hệ tích cực với trẻ, qua đó trải nghiệm sự mãn nguyện tâm lí để củng cố và duy trì đam mê nghề nghiệp.

Sự chuyển dịch mạnh mẽ từ tiếp cận hành vi sang tìm hiểu sâu các thành tố tâm lí cá nhân. Các từ khóa như: “Inclusive education”, “Pre-service teachers” hay “Teacher well-being” trở thành các cụm nghiên cứu mới nổi, các nghiên cứu đang mở rộng phạm vi quan tâm sang những chủ đề liên quan đến công bằng giáo dục, năng lực cảm xúc, trải nghiệm sư phạm trong giai đoạn đầu hình thành bản sắc nghề. Từ đó, có thể suy luận bản sắc và đam mê nghề nghiệp là kết quả của quá trình hành nghề lâu dài, được khơi nguồn ngay từ giai đoạn học tập nghề nghiệp, mở ra yêu cầu cấp thiết trong thiết kế các chương trình đào tạo giáo viên mầm non.

Kết quả nghiên cứu gợi mở một số vấn đề cần tiếp tục làm sâu sắc trong các công trình tương lai. Mối liên hệ giữa đam mê và kiệt sức nghề nghiệp vẫn còn là chủ đề cần khảo sát kĩ lưỡng. Đam mê không được quản trị đúng cách có thể chuyển thành trạng thái tận tụy quá mức, dẫn đến sự cạn kiệt cảm xúc, thường kéo theo xung đột nghề nghiệp với đời sống cá nhân. Do đó, các nghiên cứu tương lai cần phân biệt rõ các dạng đam mê nhằm duy trì đam mê ở trạng thái tích cực và bền vững.

Mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức nhà trường với đam mê nghề nghiệp là lĩnh vực tiềm năng, nhưng chưa được khai thác đầy đủ. Cấu trúc lãnh đạo, chính sách đào tạo, hệ thống hỗ trợ đồng nghiệp, các hình thức ghi nhận nghề nghiệp có thể đóng vai trò xúc

tác hoặc ức chế sự phát triển đam mê. Xây dựng các mô hình đa tầng kết hợp yếu tố cá nhân với tổ chức có thể luận giải chính xác hơn động lực nghề nghiệp trong bối cảnh thực tiễn.

Tích hợp các phương pháp nghiên cứu đa dạng. Trong khi phân tích trắc lượng cung cấp kết quả hệ thống và khách quan, các tiếp cận định tính như tự sự, hiện tượng học, nghiên cứu trường hợp có luận giải chi tiết hơn tầng sâu của đam mê, số liệu không thể chạm đến. Trong bối cảnh giáo dục đang bước vào giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ với các yêu cầu đổi mới, tích hợp công nghệ, giáo dục cảm xúc, hướng đến phát triển toàn diện trẻ, vai trò của giáo viên mầm non càng trở nên trọng yếu.

Tài liệu tham khảo

- Akanzire, B. N., Azure, E. N., & Abroampa, W. K. (2024). Kindergarten Teachers' Identity and Their Professional Identity Formation in the Central Region of Ghana. *Open Access Library Journal*, 11(10), 1-17. <https://doi.org/10.4236/oalib.1110889>.
- Akkerman, S. F., & Meijer, P. C. (2011). A dialogical approach to conceptualizing teacher identity. *Teaching and Teacher Education*, 27(2), 308-319. <https://doi.org/10.1016/j.tate.2010.08.013>.
- Carbonneau, N., Vallerand, R. J., Fernet, C., & Guay, F. (2008). The role of passion for teaching in intraindividual and interpersonal outcomes. *Journal of Educational Psychology*, 100(4), 977-987. <https://doi.org/10.1037/a0012545>.
- Fernet, C., Austin, S., Trépanier, S.-G., & Dussault, M. (2012). How do job characteristics contribute to burnout? Exploring the distinct mediating roles of perceived autonomy, competence, and relatedness. *European Journal of Work and Organizational Psychology*, 22(2), 123-137. <https://doi.org/10.1080/1359432x.2011.632161>.
- Hargreaves, A. (2000). Mixed emotions: Teachers' perceptions of their interactions with students. *Teaching and Teacher Education*, 16(8), 811-826. [https://doi.org/10.1016/S0742-051X\(00\)00028-7](https://doi.org/10.1016/S0742-051X(00)00028-7).
- Huang, X., & Wang, C. (2021). Pre-service teachers' professional identity transformation: a positioning theory perspective. *Professional Development in Education*, 50(1), 174-191. <https://doi.org/10.1080/19415257.2021.1942143>.
- Jennings, P. A., & Greenberg, M. T. (2009). The prosocial classroom: Teacher social and emotional competence in relation to student and classroom outcomes. *Review of Educational Research*, 79(1), 491-525. <https://doi.org/10.3102/0034654308325693>.
- Klassen, R. M., & Chiu, M. M. (2011). The occupational commitment and intention to quit of practicing and pre-service teachers: Influence of self-efficacy, job stress, and teaching context. *Contemporary Educational Psychology*, 36(2), 114-129. <https://doi.org/10.1016/j.cedpsych.2011.01.002>.
- O.Yu., Polishchuk., Tetiana, Koltunovych., Y.F., Andrieieva., Natalia, Heisonyuk., Mariia, Oliinyk. (2022), *Job Satisfaction and Professional Burnout of Preschool Teachers*, Revista Romaneasca pentru Educatie Multidimensionala, 14(4):325-352. doi: 10.18662/rrem/14.4/644
- Vallerand, R. J., Blanchard, C., Mageau, G. A., Koestner, R., Ratelle, C., Léonard, M., Gagné, M., & Marsolais, J. (2003). Les passions de l'âme: On obsessive and harmonious passion. *Journal of Personality and Social Psychology*, 85(4), 756-767. <https://doi.org/10.1037/0022-3514.85.4.756>.
- Vallerand, R. J., Houliort, N., & Forest, J. (2014). Passion for work: Determinants and outcomes. In M. Gagné (Ed.), *The Oxford handbook of work engagement, motivation, and self-determination theory* (pp. 85-105). Oxford University Press.
- Young-Tae, Kim. (2023), The Effects of the Motivation and Teaching Passion of Pre-service Early Childhood Teachers on the View of Teaching Profession, *Journal of the Korea Academia Industrial Cooperation Society*, 24(10):398-406. doi: 10.5762/kais.2023.24.10.398